



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán, Thuế, Tài chính doanh nghiệp, Đào tạo

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist (sau đây gọi tắt là "Công ty") để trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 từ trang 06 đến trang 35 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Phan Châu	Chủ tịch
Ông Đinh Quang Hiến	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Kim Trung	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	Trưởng ban (bổ nhiệm từ ngày 22/08/2013)
Bà Thái Hồng Vân	Thành viên
Bà Phạm Thị Mai Huyền	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 22/08/2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Dư Hữu Danh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/01/2013)
Ông Đinh Quang Hiến	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/01/2013)
Ông Phạm Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 28/06/2013)
Ông Phạm Tuấn Hà	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Huỳnh Thanh Diễm Trang.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Dư Hữu Danh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Số: 22/2014/UHYHCM-BCKTDL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
 của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist*

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2014, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Số dư công nợ phải thu, phải trả, và một số khoản mục khác trên Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2013 của Công ty chưa được đối chiếu xác nhận công nợ đầy đủ. Cụ thể như sau:

Nội dung	Mã số	Số dư tại 31/12/2013	Công nợ tồn đọng	Đã lập dự phòng	Tỉ lệ xác nhận
Phải thu khách hàng	131	14.872.085.289	9.488.184.811	8.157.258.650	16%
Trả trước cho người bán	132	3.470.265.250	1.715.404.692	3.023.474.679	35%
Các khoản phải thu khác	135	21.465.464.725	15.988.962.938	11.797.071.891	23%
Người mua trả tiền trước	313	257.075.451	-	-	0%
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	-	806.213.400	700.000.000	-	3%
Đầu tư dài hạn	258	5.876.016.000	5.876.016.000	-	0%

Chúng tôi đã tiến hành thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế. Tuy nhiên, với những tài liệu và tình hình thực tế, chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục nêu tại bảng trên. Do đó, chúng tôi chưa xác định được số liệu cần điều chỉnh do các ảnh hưởng trên đến các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2013.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số

1496-2013-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Tuấn Vinh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số

2067-2013-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		20.029.105.915	38.430.464.477
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	591.585.217	6.525.341.375
Tiền	111		591.585.217	6.525.341.375
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.830.010.044	29.246.413.375
Phải thu khách hàng	131		14.872.085.289	16.905.201.581
Trả trước cho người bán	132		3.470.265.250	3.109.966.602
Các khoản phải thu khác	135	5	21.465.464.725	20.771.016.135
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	6	(22.977.805.220)	(11.539.770.943)
Hàng tồn kho	140	7	377.394.060	383.727.476
Hàng tồn kho	141		472.679.882	479.013.298
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(95.285.822)	(95.285.822)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.230.116.594	2.274.982.251
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	824.110.606	275.108.095
Thuế GTGT được khấu trừ	152		45.099.143	45.099.144
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	83.538.773	17.311.910
Tài sản ngắn hạn khác	158	10	1.277.368.072	1.937.463.102
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.541.565.951	61.675.154.027
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		43.660.123.348	47.624.176.207
Tài sản cố định hữu hình	221	11	29.124.048.986	33.662.267.117
- Nguyên giá	222		53.976.569.222	54.156.792.010
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.852.520.236)	(20.494.524.893)
Tài sản cố định vô hình	227	12	13.750.000.000	13.750.000.000
- Nguyên giá	228		13.750.000.000	13.750.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	786.074.362	211.909.090
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	8.405.667.028	10.582.814.140
Đầu tư vào công ty con	251		8.325.651.028	8.325.651.028
Đầu tư dài hạn khác	258		5.876.016.000	8.053.163.112
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(5.796.000.000)	(5.796.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		3.475.775.575	3.468.163.680
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	303.202.031	681.486.862
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	1.570.101.744	1.570.101.744
Tài sản dài hạn khác	268	17	1.602.471.800	1.216.575.074
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		75.570.671.866	100.105.618.504

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		22.188.846.187	29.790.037.264
Nợ ngắn hạn	310		13.655.980.264	21.412.105.480
Vay và nợ ngắn hạn	311	18	887.400.000	2.491.513.040
Phải trả người bán	312		1.608.529.633	408.426.812
Người mua trả tiền trước	313		257.075.451	2.646.594.218
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	647.938.841	1.121.619.893
Phải trả người lao động	315		812.693.151	861.830.880
Chi phí phải trả	316	20	2.694.201.277	2.757.810.653
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	6.748.141.911	11.124.309.984
Nợ dài hạn	330		8.532.865.923	8.377.931.784
Phải trả dài hạn khác	333	22	1.980.447.350	1.337.447.350
Vay và nợ dài hạn	334	23	6.508.486.960	6.508.486.960
Doanh thu chưa thực hiện	338		43.931.613	531.997.474
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		53.381.825.679	70.315.581.240
Vốn chủ sở hữu	410	24	53.381.825.679	70.315.581.240
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		2.052.178.753	2.052.178.753
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(28.670.353.074)	(11.736.597.513)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		75.570.671.866	100.105.618.504

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
Ngoại tệ các loại	USD		3.772,59	4.004,49

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

- Người lập / Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Diễm Trang



Tổng Giám đốc

Dư Hữu Danh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	41.431.361.404	45.849.792.797
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	25	41.431.361.404	45.849.792.797
Giá vốn hàng bán	11	26	39.020.378.592	44.235.234.602
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.410.982.812	1.614.558.195
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	161.661.015	1.089.945.511
Chi phí tài chính	22	28	1.187.024.616	1.578.570.874
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>1.170.952.565</i>	<i>1.551.208.561</i>
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29	18.259.202.656	28.339.690.856
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(16.873.583.445)	(27.213.758.024)
Thu nhập khác	31	30	953.693.713	10.322.931.590
Chi phí khác	32	31	791.473.857	4.398.954.343
Lợi nhuận khác	40		162.219.856	5.923.977.247
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(16.711.363.589)	(21.289.780.777)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(1.370.866.809)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(16.711.363.589)	(19.918.913.968)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Người lập / Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Diễm Trang



Dư Hữu Danh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		(16.711.363.589)	(21.289.780.777)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		4.938.796.900	5.169.577.356
Các khoản dự phòng	3		11.438.034.277	17.055.774.426
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa	4		1.644.661	-
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(149.829.083)	(1.005.686.481)
Chi phí lãi vay	6		1.170.952.565	1.551.208.561
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		688.235.729	1.481.093.085
Tăng giảm các khoản phải thu	9		3.877.572.232	(14.686.350.122)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		6.333.416	61.469.326
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(5.390.403.435)	4.477.940.279
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(170.717.680)	3.127.218.552
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.197.202.565)	(1.524.958.561)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(140.317.501)	(100.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5.749.397)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.332.249.201)	(7.163.587.441)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(1.209.275.272)	(10.474.545)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		614.545.456	3.930.454.545
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.000.000.000)
Lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		161.661.015	1.089.945.311
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(433.068.801)	4.009.925.511
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.604.113.040)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.562.680.455)	(2.095.973.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.166.793.495)	(2.095.973.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5.932.111.497)	(5.249.635.430)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	6.525.341.375	11.774.976.805
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		(1.644.661)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	591.585.217	6.525.341.375

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Người lập / Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Diễm Trang



Tổng Giám đốc



Dư Hữu Danh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist là doanh nghiệp được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước: Công ty Vận chuyển Sài Gòn Tourist, số ĐKKD: 301864, do trọng tài kinh tế cấp ngày 28/04/1994. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0303609986 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2004 (đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 28/02/2013).

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, bằng taxi;
- Kinh doanh du lịch lưu hành nội địa, quốc tế, tour cyclo;
- Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm;
- Đào tạo lái xe (môtô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Mua bán xe ô tô và phụ tùng, sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh nhà, dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, nông lâm hải sản, hàng may mặc, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dùng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), vật liệu xây dựng, máy vi tính;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng;
- Trang trí nội ngoại thất, thiết kế tạo mẫu, dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại tôn, thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn - tấm, sắt thép phế liệu (không mua bán tại trụ sở), xe tải, xe chuyên dùng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn, máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa trong nước và xuất khẩu, Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Môi giới thương mại, môi giới hàng hải, đại lý tàu biển, đại lý bán vé tàu hỏa. Kinh doanh kho bãi, đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán hóa mỹ phẩm, rượu bia, nước giải khát, sữa (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, hàng kim khí, da giày;
- In trên bao bì (không kinh doanh tại trụ sở);
- Tự vấn du học;
- Đào tạo nghề;
- Đại lý đối ngoại tệ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giữ xe/.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Bản cáo tài chính)

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam (doanh nghiệp) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố hữu lực thi hành từ ngày 10/06/2013.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 1 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến 10/06/2013, tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009. Từ ngày 11/06/2013 đến ngày lập báo cáo tài chính, Công ty áp dụng tỉ lệ trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40
Máy móc thiết bị	10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

3.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư dài hạn là các khoản đầu tư vào Công ty con (với tỷ lệ đầu tư 51% trở lên), cho vay và các khoản đầu tư mua cổ phiếu với tỷ lệ nhỏ hơn 20% nhằm thu lợi nhuận. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

3.8 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.8 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)***Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo công văn số 227/CT-TTHT ngày 08/01/2008 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp cổ phần hóa. Do đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% trong 3 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

Ngoài ra, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 20% trong 7 năm kể từ năm 2007.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.11 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động kinh doanh taxi, xe du lịch, khai thác dịch vụ du lịch, đào tạo, lữ hành...

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Tiền mặt	241.593.001	688.503.501
Tiền gửi ngân hàng	349.992.216	5.836.837.874
Cộng	591.585.217	6.525.341.375

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Bảo hiểm xã hội	511.789.070	-
Bảo hiểm y tế	298.644.204	-
Bảo hiểm thất nghiệp	138.850.532	-
Công ty CP KD & PT Nhà An Nghiệp Phát	2.762.225.940	2.762.225.940
Phải thu bảo hiểm của lái xe taxi	287.903.271	1.109.560.395
Công ty TNHH TM DL Sài Gòn	821.534.969	947.530.449
Công ty CP Đầu tư Tài chính Đất Việt (1)	12.118.243.735	10.618.833.885
Công ty TNHH Sắt Thép Vĩnh Đa (2)	370.000.000	370.000.000
Phải thu thù lao đã trả cho HĐQT	-	165.894.324
Ứng trước Vietnam Airline	-	3.673.477.858
Công ty CP ĐT và PT An Thiện Nhân	45.600.000	45.600.000
Trung tâm xuất khẩu lao động	49.739.109	-
Công ty TNHH ĐT XD & PT	1.398.600.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn XD Kết Cấu Việt	18.000.000	-
Công ty CP ĐT Giải trí Phước Sang (3)	2.177.147.112	-
Phải thu khác	467.186.783	1.077.893.284
Cộng	21.465.464.725	20.771.016.135

(1): Là khoản phải thu tiền hỗ trợ chi phí thuê mặt bằng liên quan đến Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 17/06/2010 cho dự án tại 99C Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt (Công ty Đất Việt) về việc hợp tác đầu tư, đóng góp tài chính và tài sản để thực hiện dự án nêu trên. Hai bên sẽ cùng nhau thành lập công ty cổ phần (Công ty Thực hiện Dự án) theo quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam để trực tiếp thực hiện dự án.

Theo đó, Công ty sẽ đóng góp bằng cách chuyển giao toàn bộ mặt bằng Khu Đất Dự Án và quyền sở hữu các công trình trên Khu đất nêu trên cho Công ty Đất Việt thực hiện dự án. Công ty Đất Việt sẽ cung cấp toàn bộ nguồn tài chính cần thiết để xin cấp phép xây dựng, lập dự án đầu tư, tiến hành xây dựng, khai thác Dự án Chung cư cao cấp - Cao ốc Văn phòng trên khu đất dự án nêu trên.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Bản cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (TIẾP)

Căn cứ vào thỏa thuận phân chia kết quả kinh doanh của Hợp đồng hợp tác đầu tư, kể từ khi bàn giao mặt bằng Khu Đất Dự Án cho đến khi Dự Án đã hoàn thành chính thức được đưa vào khai thác, kinh doanh, Công ty Đất Việt sẽ trả cho Công ty 1.500.000.000 đồng/năm hỗ trợ chi phí thuê mặt bằng mà Công ty đã chi trả. Số tiền này sẽ không đổi trong suốt thời hạn thi công, xây dựng và hoàn thiện Dự án.

Ngày 14/04/2011 hai bên ký phụ lục hợp đồng về việc Công ty Đất Việt đồng ý hỗ trợ thêm cho Công ty trong 2 năm (2011 và 2012) mỗi năm 6.400.000.000 đồng. Khoản chi này được tính vào tiền góp của Công ty Đất Việt vào thực hiện Dự án.

Đến nay, Công ty chưa thu đủ đủ tiền hỗ trợ theo đúng tiến độ thỏa thuận trong hợp đồng.

(2): Là khoản cho Công ty cho Công ty TNHH Sắt Thép Vĩnh Đa (Vĩnh Đa) vay theo Công văn số 120822/VD và Công văn số 230812/VD/KT như sau:

Công văn số 120822/VD ngày 22/08/2012, số tiền mượn 70.000.000 đồng, thời hạn là 3 tháng từ ngày 22/08/2012 đến 22/11/2012.

Công văn số 230812/VD/KT ngày 23/08/2012, số tiền mượn 300.000.000 đồng, thời hạn là 1 tháng từ ngày 23/08/2012 đến 23/09/2012.

5. Theo hai công văn nêu trên, nếu sau thời hạn thanh toán, Vĩnh Đa chưa hoàn trả số tiền đã mượn, Vĩnh Đa sẽ chịu lãi đối với thời gian quá hạn, theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam. Tuy nhiên, đến nay Công ty chưa thu được lãi đối với hai khoản cho mượn này.

(3): Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Giải trí Phước Sang theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17-08/HĐHT/STC-PS ngày 07/04/2008 để cùng góp vốn hợp tác kinh doanh đầu tư trung tâm giải trí dịch vụ văn hóa, văn phòng, phòng trưng bày sản phẩm và khu nhà hàng tại địa điểm 11C Sư Vạn Hạnh (nổi dãi), Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 30 năm 9 tháng kể từ ngày bàn giao mặt bằng.

Đồng thời, theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 161/HĐHTKD-TN-2009 ngày 31/03/2009 giữa Công ty và Công ty SXTM XNK Tây Nam (gọi tắt là Công ty Tây Nam) thì Công ty Tây Nam sẽ tham gia góp vốn bằng quyền khai thác lợi thế của khu đất tại địa điểm 11C Sư Vạn Hạnh (nổi dãi), Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh trong 30 năm kể từ khi hợp đồng có hiệu lực. Công ty phải trả cho Công ty Tây Nam số tiền khoản lợi nhuận hàng tháng không phụ thuộc vào lợi nhuận của dự án, từ năm thứ nhất đến năm thứ năm (kể từ tháng thứ 10 sau khi bàn giao mặt bằng) số tiền là 213.845.280 đồng/tháng tương đương 12.832 USD/tháng.

Theo Công văn số 41/2013/TN-KT ngày 04/01/2013 Công ty Tây Nam yêu cầu Công ty thanh toán tiền phần chia lợi nhuận từ 01/01/2010 đến 31/12/2012 là 9.631.699,200 đồng.

Hiện tại, căn cứ vào biên bản họp ngày 11/05/2013, các bên gồm Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist và Công ty Cổ phần Đầu tư Giải trí Phước Sang đã thống nhất ngưng không thực hiện dự án xây dựng công trình tòa nhà cho thuê - nhà hàng tiệc cưới tại 11C Sư Vạn Hạnh (nổi dãi), Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Đến nay, các bên vẫn đang tiếp tục thỏa thuận để thanh lý dự án.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI (*)

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Công ty CP KD và PT nhà An Nghiệp Phát	2.762.225.940	1.381.112.970
Công ty CP ĐT và PT An Thiện Nhân	7.320.419.281	8.340.639.838
Công ty XNK Việt Tiếp	1.402.467.418	1.404.604.416
Công ty CP Việt Nam Việt Nhật	278.036.475	278.036.475
Công ty Cổ phần ĐT Tài Chính Đất Việt	8.051.622.838	-
Công ty CP ĐT Giải trí Phước Sang	677.147.112	-
CTY TNHH ĐT PT Thủ Thiêm	1.229.175.114	-
Khác	1.256.711.042	135.377.244
Cộng	22.977.805.220	11.539.770.943

(*): Căn cứ vào khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu khó đòi, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu khó đòi nêu trên theo quy định.

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	439.769.029	451.737.945
Công cụ, dụng cụ	32.910.853	27.275.353
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	472.679.882	479.013.298
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(95.285.822)	(95.285.822)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	377.394.060	383.727.476

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Chi phí hội viên Radius	27.742.354	-
Chi phí trợ cấp thôi việc	287.473.273	126.101.398
Chi phí trang phục	110.849.000	-
Chi phí vỏ ruột bình điện	283.902.907	-
Phân bổ CCDC	39.771.454	-
Chi phí sửa chữa xe	23.648.691	136.982.697
Khác	50.722.927	12.024.000
Cộng	824.110.606	275.108.095

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	22.494.841	17.311.910
Thuế giá trị gia tăng	61.043.932	-
Cộng	83.538.773	17.311.910

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	471.154.672	1.107.249.702
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	806.213.400	830.213.400
Trong đó:		
+ Công ty CP ĐT và PT An Thiện Nhân	700.000.000	700.000.000
+ Khác	106.213.400	130.213.400
Cộng	1.277.368.072	1.937.463.102

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ, quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Tại 01/01/2013	1.383.565.206	330.120.519	52.008.942.612	434.163.673	54.156.792.010
- Mua trong năm	-	-	1.032.473.354	29.710.000	1.062.183.354
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(796.868.186)	-	(796.868.186)
- Giảm khác (*)	(44.136.326)	(142.259.010)	-	(259.142.620)	(445.537.956)
Tại 31/12/2013	1.339.428.880	187.861.509	52.244.547.780	204.731.053	53.976.569.222
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2013	1.100.853.605	319.332.792	18.678.724.756	395.613.740	20.494.524.893
- Khấu hao trong năm	8.567.016	3.250.008	4.900.754.551	26.225.325	4.938.796.900
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(182.430.200)	-	(182.430.200)
- Giảm khác (*)	(44.136.326)	(134.721.291)	-	(219.513.740)	(398.371.357)
Tại 31/12/2013	1.065.284.295	187.861.509	23.397.049.107	202.325.325	24.852.520.236
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại 01/01/2013	2.484.418.811	10.787.727	33.330.217.856	38.549.933	33.662.267.117
Tại 31/12/2013	274.144.585	-	28.847.498.673	2.405.728	29.124.048.986
Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			3.734.513.981	đồng	

(*) Giảm nguyên giá và hao mòn lũy kế của một số tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận theo quy định của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở không thời hạn tại số 106/781 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Sở Xây dựng TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 08/09/2003, thay đổi chủ được cấp nhật ngày 24/10/2008, khu đất có diện tích là 616,30 m². Tài sản này được dùng thế chấp tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh để đảm bảo cho Hợp đồng vay số 09.111001/HĐTD-TDH trình bày tại thuyết minh số 23.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Tổng số chi phí XDCB dở dang	786.074.362	211.909.090
Trong đó:		
- Chi phí đầu tư thiết kế dự án công trình văn phòng tại 106/781 Nguyễn Kiệm, P.3, Q.Gò Vấp, HCM	211.909.090	211.909.090
- Chi phí thiết kế và xin cấp phép xây dựng lại tòa nhà 25 Pasteur	477.636.363	-
- Chi phí sửa chữa nhà tại Nguyễn Kiệm	96.528.909	-

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tỷ lệ sở hữu	Tại 31/12/2013 Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu	Tại 01/01/2013 Giá trị VND
a. Đầu tư vào Công ty con		8.325.651.028		8.325.651.028
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo Vệ Long Ván	100%	2.482.327.200	100%	2.482.327.200
- Công ty TNHH MTV TM Du Lịch Sài Gòn	100%	5.843.323.828	100%	5.843.323.828
b. Đầu tư dài hạn khác		5.876.016.000		8.053.163.112
- Công ty CP ĐT Giải trí Phước Sang		-		2.177.147.112
- Tập đoàn Radius		80.016.000		80.016.000
- Công ty CP Ô tô Vận tải Vina Đồng Dương (2)		5.796.000.000		5.796.000.000
c. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		(5.796.000.000)		(5.796.000.000)
Cộng		8.405.667.028		10.582.814.140

(*): Đầu tư vào Công ty Cổ phần Ô tô Vận tải Vina Đồng Dương theo hợp đồng cho vay số 64/11/HĐV ngày 19/06/2011, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay là 15%/năm. Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản lãi nào từ hợp đồng vay này.

Căn cứ vào khả năng thu hồi của các khoản cho vay này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định lập dự phòng 100% đối với khoản cho vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Chi phí sửa chữa nhà Nguyễn Kiệm	-	96.528.909
Chi phí sửa chữa nhà 25 Pasteur	45.300.000	477.636.363
Thiết kế xây dựng sân tập lái tại Củ Chi	65.321.591	107.321.590
Phí làm lễ đường, sân tập lái xe tại Củ Chi	156.500.000	-
Công cụ dụng cụ	36.080.440	-
Cộng	303.202.031	681.486.862

16. TÀI SẢN THUÊ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Chênh lệch tạm thời	7.850.508.719	7.850.508.719
Thuế suất TTNDN	20%	20%
Tài sản thuê thu nhập hoàn lại	1.570.101.744	1.570.101.744

17. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Ký quỹ xuất khẩu lao động	100.000	100.000
Ký quỹ lữ hành nội địa	50.000.000	51.353.274
Ký quỹ lữ hành quốc tế	250.000.000	250.000.000
Công ty TNHH MTV TMDV&XNK Nhất Việt	43.121.800	43.121.800
Công ty TNHH MTV TM & DV Huy Hoàng Hà	372.000.000	372.000.000
Bảo lãnh hợp đồng đại lý bán vé máy bay	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH May Nam Phú	317.250.000	-
Công ty TNHH Du lịch Trần Việt	70.000.000	-
Cộng	1.602.471.800	1.216.575.074

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

- Là khoản vay dài hạn đến hạn trả của Hợp đồng tín dụng số 09.111001/HBTD-TDH ngày 02/10/2009, <<Xem thêm tại thuyết minh số 23>>.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	429.782.111
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	433.176.482	573.493.983
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	214.762.359	118.343.799
Cộng	647.938.841	1.121.619.893

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Chi phí lãi vay	-	26.250.000
Phí gửi xe	282.282.089	136.704.000
Phí kiểm toán	70.200.000	48.500.000
Thuê mặt bằng	1.152.200.000	1.412.040.000
Phí tư vấn phát hành cổ phiếu	60.000.000	60.000.000
Vé máy bay công tác năm 2012	-	154.044.066
Thuê xe du lịch	228.877.817	-
Chi phí xăng xe	100.340.499	-
Chi phí xuất khẩu lao động	707.456.781	704.856.781
Chi phí phải trả khác	92.844.091	215.415.806
Cộng	2.694.201.277	2.757.810.653

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Cổ tức phải trả	3.713.050.615	5.275.731.070
Trung tâm Xuất khẩu lao động	194.391.604	765.949.162
Tiền ứng trước thực hiện Tour	-	106.771.934
Phải trả tiền vé máy bay Việt Nam Airline	254.341.046	2.655.220.410
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	-	139.300.000
Thủ lao Hội đồng Quản trị	517.600.000	165.894.324
Công ty CP ĐT và PT An Thiện Nhân	1.334.841.075	1.337.600.075
Khác	733.917.571	677.843.009
Cộng	6.748.141.911	11.124.309.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Nhận ký quỹ của Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	58.900.000	58.900.000
Nhận ký quỹ của Australian Trade Commiccion	19.500.000	19.500.000
Nhận ký quỹ của Văn phòng đại diện CN Quảng Ninh	5.000.000	5.000.000
Nhận ký quỹ của Công ty CP ĐT & PT An Thiện Nhuận	150.000.000	150.000.000
Nhận ký quỹ của các tài xế lái xe du lịch và xe taxi	1.248.447.350	1.104.047.350
Ký quỹ xe ngoài Taxi	498.600.000	-
Cộng	1.980.447.350	1.337.447.350

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Là khoản vay Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 09.111001/HĐTD-TĐH ngày 02/10/2009 để mua 100 xe Toyota Vios 1.5E phục vụ cho kinh doanh dịch vụ taxi. Thời hạn vay là 5 năm từ ngày 02/10/2009 đến 05/10/2014. Lãi suất vay trong hạn bằng lãi suất huy động tiết kiệm tiền đồng Việt Nam có kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam cộng 3%/năm, mức lãi suất này được điều chỉnh vào ngày 01/01 và 01/07 hàng năm.

Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 09.111005/HĐTCTS ngày 10/12/2009, khoản vay trên được đảm bảo bằng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở vô thời hạn tại số 106/781 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Sở Xây Dựng TP. Hồ Chí Minh cấp. Trị giá tài sản bảo đảm là 13.900.000.000 đồng theo biên bản định giá lại tài sản số 11.111007/BBĐGLTS ngày 29/07/2011.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**24.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU**

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký theo Giấy chứng nhận kinh doanh là: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng), chia thành 8.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Tình hình góp vốn của của Công ty như sau:

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	23.284.940.000	23.284.940.000
Công ty TNHH Sắt Thép Vinh Đa	12.158.740.000	12.158.740.000
Các cổ đông khác	44.556.320.000	44.556.320.000
Cộng	80.000.000.000	80.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**24.2 CỔ PHIẾU**

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	8.000.000	8.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

24.3 CÁC QUỸ

	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.052.178.753	2.052.178.753

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

24.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	80.000.000.000	2.052.178.753	10.659.868.679	92.712.047.432
- Lỗ trong năm	-	-	(19.918.913.968)	(19.918.913.968)
- Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2011	-	-	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(77.552.224)	(77.552.224)
Tại ngày 31/12/2012	80.000.000.000	2.052.178.753	(11.736.597.513)	70.315.581.240
Tại ngày 01/01/2013	80.000.000.000	2.052.178.753	(11.736.597.513)	70.315.581.240
- Lỗ trong năm	-	-	(16.711.363.589)	(16.711.363.589)
- Thù lao HĐQT năm 2010, 2011	-	-	(222.391.972)	(222.391.972)
Tại ngày 31/12/2013	80.000.000.000	2.052.178.753	(28.670.353.074)	53.381.825.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. DOANH THU

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.431.361.404	45.849.792.797
Trong đó:		
+ Doanh thu taxi	25.768.906.156	27.151.083.512
+ Doanh thu xe du lịch	7.625.124.788	8.446.413.575
+ Doanh thu khai thác dịch vụ du lịch	4.101.994.649	7.530.083.703
+ Doanh thu đào tạo	2.590.387.133	978.100.908
+ Doanh thu lữ hành	1.344.948.678	1.744.111.099
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	41.431.361.404	45.849.792.797

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn taxi	23.033.120.857	24.444.366.418
Giá vốn xe du lịch thuê ngoài	7.334.893.470	8.182.593.706
Giá vốn khai thác dịch vụ du lịch	4.135.464.346	7.368.616.637
Giá vốn đào tạo	3.171.625.471	2.593.530.199
Giá vốn lữ hành	1.345.274.448	1.646.127.642
Cộng	39.020.378.592	44.235.234.602

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	161.661.015	1.089.945.511
Cộng	161.661.015	1.089.945.511

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	1.170.952.565	1.551.208.561
Khác	14.427.390	27.362.313
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.644.661	-
Cộng	1.187.024.616	1.578.570.874

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.460.936.024	3.782.941.829
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.600.000	109.413.134
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.623.165	538.399.785
Thuế phí, lệ phí	96.418.560	48.209.280
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	11.438.034.277	17.055.774.426
Chi phí dịch vụ mua ngoài	223.789.635	246.047.878
Chi phí bằng tiền khác	2.888.800.995	6.558.904.524
Cộng	18.259.202.656	28.339.690.856

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thanh lý tài sản cố định	614.545.456	3.930.454.545
Tiền bồi thường dự án 99C Phổ Quang	-	6.400.000.000
Thu tiền phạt chế tài taxi	58.487.411	-
Thu nhập liên quan đến thuê bến bãi tại nhà Ga quốc tế Tân Sơn Nhất	154.414.133	-
Điều chỉnh giảm khoản nhận hỗ trợ bến bãi năm 2011	-	(363.636.364)
Thu nhập khác	126.246.713	356.113.409
Cộng	953.693.713	10.322.931.590

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thanh lý tài sản cố định	626.377.386	4.106.662.969
Chi phí khác	9.861.079	-
Chi phí liên quan đến thuê bến bãi tại nhà Ga quốc tế Tân Sơn Nhất	155.235.392	292.291.374
Cộng	791.473.857	4.398.954.343

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.8.

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT- BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT- BTC ngày 06/11/2009 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013 VND	31/12/2013 USD	31/12/2013 VND	31/12/2013 USD
Dò la Mỹ (USD)	-	-	79.545.060	3.772,59

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)*****Quản lý rủi ro về giá***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

TÀI SẢN ĐẢM BẢO***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Công ty có tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác vào ngày 31/12/2013 là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở vô thời hạn tại số 106/781 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Sở Xây Dựng TP. Hồ Chí Minh cấp. Trị giá tài sản bảo đảm là 13.900.000.000 đồng theo biên bản định giá lại tài sản số 11.111007/BBĐGLTS ngày 29/07/2011 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 09.111005/HĐTCTS ngày 10/12/2009.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản tài chính đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2013.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yếu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp, nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại 31/12/2013	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ	887.400.000	6.508.486.960	7.395.886.960
Phải trả cho người bán	1.608.529.633	-	1.608.529.633
Chi phí phải trả	2.694.201.277	-	2.694.201.277
Các khoản phải trả khác	6.748.141.911	-	6.748.141.911
Phải trả dài hạn khác	-	1.980.447.350	1.980.447.350
Cộng	11.938.272.821	8.488.934.310	20.427.207.131

Tại 01/01/2013	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ	2.491.513.040	6.508.486.960	9.000.000.000
Phải trả cho người bán	408.426.812	-	408.426.812
Chi phí phải trả	2.757.810.653	-	2.757.810.653
Các khoản phải trả khác	11.124.309.984	-	11.124.309.984
Phải trả dài hạn khác	-	1.337.447.350	1.337.447.350
Cộng	16.782.060.489	7.845.934.310	24.627.994.799

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2013	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	591.585.217	-	591.585.217
Phải thu khách hàng	6.714.826.639	-	6.714.826.639
Đầu tư dài hạn khác	-	80.016.000	80.016.000
Các khoản phải thu khác	9.668.392.834	-	9.668.392.834
Cộng	16.974.804.691	80.016.000	17.054.820.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại 01/01/2013	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.525.341.375	-	6.525.341.375
Phải thu khách hàng	5.365.430.638	-	5.365.430.638
Đầu tư dài hạn khác	-	2.257.163.112	2.257.163.112
Các khoản phải thu khác	20.771.016.135	-	20.771.016.135
Cộng	32.661.788.148	2.257.163.112	34.918.951.260

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Kinh doanh taxi, xe du lịch, khai thác dịch vụ du lịch, đào tạo, lữ hành. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Báo cáo chính yếu, báo cáo bộ phận thứ yếu trình bày theo khu vực địa lý. Công ty chỉ phát sinh doanh thu tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2013	Taxi	Xe du lịch	Khai thác dịch vụ du lịch	Đào tạo	Lữ hành	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	25.768.906.156	7.625.124.788	4.101.994.649	2.590.387.133	1.344.948.678	41.431.361.404
<i>Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>25.768.906.156</i>	<i>7.625.124.788</i>	<i>4.101.994.649</i>	<i>2.590.387.133</i>	<i>1.344.948.678</i>	<i>41.431.361.404</i>
Chi phí bộ phận	(23.033.120.857)	(7.334.893.470)	(4.135.464.346)	(3.171.625.471)	(1.345.274.448)	(39.020.378.592)
<i>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</i>	<i>2.735.785.299</i>	<i>290.231.318</i>	<i>(33.469.697)</i>	<i>(581.238.338)</i>	<i>(325.770)</i>	<i>2.410.982.812</i>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	(18.259.202.656)
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(15.848.219.844)</i>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	161.661.015
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	(1.187.024.616)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	953.693.713
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(791.473.857)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(16.711.363.589)</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2012	Taxi	Xe du lịch	Khai thác dịch vụ du lịch	Đào tạo	Lữ hành	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	27.151.083.512	8.446.413.575	7.530.083.703	978.100.908	1.744.111.099	45.849.792.797
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.151.083.512	8.446.413.575	7.530.083.703	978.100.908	1.744.111.099	45.849.792.797
Chi phí bộ phận	(24.444.366.418)	(8.182.593.706)	(7.368.616.637)	(2.593.530.199)	(1.646.127.642)	(44.235.234.602)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.706.717.094	263.819.869	161.467.066	(1.615.429.291)	97.983.457	1.614.558.195
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	(28.339.690.856)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	(26.725.132.661)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	1.089.945.511
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	(1.578.570.874)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	10.322.931.590
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(4.398.954.343)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	1.370.866.809
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	(19.918.913.968)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**34.1 THU NHẬP CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

	Năm 2013 VND
Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị	-
Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	515.686.000
Tổng thu nhập của Ban Kiểm soát	-
Cộng	515.686.000

34.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH - MTV, Công ty TNHH Sắt Thép Vĩnh Đa, Công ty TNHH MTV Bảo vệ Long Vân, Công ty TNHH MTV Thương Mại Du lịch Sài Gòn...

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2013 VND
Doanh thu với các bên liên quan	2.239.471.720
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân	5.340.909
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Du lịch Sài Gòn	2.234.130.811
Mua hàng, dịch vụ từ các bên liên quan	1.599.015.734
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân	910.795.621
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Du lịch Sài Gòn	688.220.113

Sổ dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2013 VND
Phải thu với các bên liên quan	1.450.660.234
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân	273.556.000
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Du lịch Sài Gòn	1.177.104.234
Phải thu khác với các bên liên quan	1.191.534.969
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Du lịch Sài Gòn	821.534.969
- Công ty TNHH Sắt Thép Vĩnh Đa	370.000.000
Phải trả với các bên liên quan	1.296.956.894
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân	243.542.091
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Du lịch Sài Gòn	1.053.414.803

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DFK Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Người lập / Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Diễm Trang



Tổng Giám đốc

Dư Hữu Danh